

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 87/2025/DS-ST

Ngày: 19 - 6 - 2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng gia
công và hợp đồng mua bán tài
sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông: Bùi Văn Phục;
- Ông: Nguyễn Thành Quyền.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Trong các ngày 21 tháng 5 và ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 216/2024/TLST-DS, ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng gia công và hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2025/QĐXX-ST, ngày 25 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Tấn D, sinh năm 1958.

Địa chỉ: 95B, đường Mậu Thân, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Người Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Nguyễn Thanh B, sinh năm 1960.

Địa chỉ: 130, Nguyễn Thị Minh Khai, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 10 năm 2024).

2. Bị đơn: Đoàn Minh Th, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp Thạnh Lợi A2, xã Tân Long, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Đặng Thị Mỹ Tr, sinh năm 1967.

Địa chỉ: 95B, đường Mậu Thân, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự có mặt. Bị đơn có mặt phiên tòa ngày 21/5/2025, vắng mặt phiên tòa ngày 19/6/2025.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ làm ăn, mua bán (Gia công, bốc xếp, băm dăm gỗ trầm, keo và mua bán dăm gỗ trầm, keo) với nhau. Từ tháng 10 năm 2023, bị đơn **Đoàn Minh Th** có làm ăn với nguyên đơn nhiều lần. Nguyên đơn có gia công, bốc xếp, băm dăm gỗ trầm, keo và mua bán dăm gỗ trầm, keo từ ngày 18/10 đến ngày 15/11/2023, giữa hai bên mới tổng kết khối lượng tại bãi và tiền gia công, bốc xếp với nhau, cụ thể như sau:

- Theo bảng kê hàng xuất tại bãi ngày 15/11/2023, nguyên đơn xuất hàng cho bị đơn (Hàng dăm gỗ trầm, keo băm sẵn) từ ngày 18/10/2013 đến ngày 15/11/2023, tổng cộng là 788. 530kg (788,530 tấn).

- Tiền gia công từ ngày 29/10/2023 đến ngày 15/11/2023 là 46.213.635 đồng.

Ngày 16/11/2023, giữa nguyên đơn và bị đơn có văn bản thỏa thuận (Về việc giao hàng tại bãi Thúi Sơn), theo văn bản thỏa thuận này, giữa các bên xác định, đơn giá bán là 1.400.000 đồng/01 tấn (1.400 đồng/1kg).

Như vậy, khối lượng gỗ băm mà bị đơn đã nhận được tính:

$788. 530\text{kg} \times 1.400 \text{ đồng/1kg} = 1.103.942.000 \text{ đồng}$, cộng với tiền gia công nêu trên:

$1.103.942.000 \text{ đồng} + 46.213.635 \text{ đồng} = 1.150.000.000 \text{ đồng}$.

Đã nhiều lần liên hệ nhưng bị đơn không trả tiền. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu bị đơn **Đoàn Minh Th** có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn 1.150.000.000 đồng và lãi suất tính theo quy định là 10%/01 năm (0,83%/01 tháng).

Thời gian tính lãi từ ngày 15/11/2023 đến ngày 15/11/2024 (Làm tròn 13 tháng): $1.150.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 13 \text{ tháng} = 124.000.000$

đồng.

Tổng số tiền yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả gốc và lãi như đã nêu trên.

Quá trình tố tụng bị đơn Đoàn Minh Th trình bày:

Thừa nhận vào khoảng tháng 10 năm 2023, bị đơn thuê ông D băm gỗ, bị đơn có nghĩa vụ trả tiền cho ông D, 1 tấn là 120.000 đồng, số lượng thuê khoảng 450 tấn chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có làm giấy tờ. Nguồn gỗ là do bị đơn gom các nơi về và thuê băm tại Công ty Thúy Sơn (Cảng Cái Cui). Máy băm là do ông D thuê của Công ty Thúy Sơn. Sau khi thuê thì bị đơn trả ông D 02 lần tổng cộng 200.000.000 đồng (Một lần chuyển khoản 100.000.000 đồng qua tài khoản ông D (Bị đơn sẽ sao kê cung cấp sau) 1 lần đưa tiền mặt 100.000.000 đồng cho cả hai vợ chồng ông D, bà Tr nhưng không có làm giấy).

Sau khi băm xong thì ông D tự ý bán gỗ băm lại cho người khác không cho bị đơn hay, khi bán thì có Giám đốc Công ty Thúy Sơn có chứng kiến (Bị đơn sẽ cung cấp họ tên, địa chỉ người này). Khi Giám đốc Công ty Thúy Sơn cho bị đơn hay thì ông D và bà T đã bán hết nguồn gỗ băm của bị đơn đã thuê.

Nay bị đơn không còn thiếu tiền gì của ông D nên bị đơn không chấp nhận yêu cầu của ông D. Đối với các hóa đơn giao hàng do nguyên đơn cung cấp thì do bị đơn ký nhưng về nội dung thì không phải bị đơn đồng ý trả tiền mà chỉ đồng ý trả lại khối lượng gỗ theo hóa đơn. Về khối lượng gỗ trong các hóa đơn là do gỗ của nguyên đơn nhờ bị đơn bán giùm, khối lượng gỗ bán bao nhiêu thì bị đơn không nhớ vì giấy tờ mất không trích lục lại được, sau khi bị đơn bán thì chưa lấy tiền được của ai. Nay bị đơn không đồng ý trả tiền theo yêu cầu nguyên đơn mà chỉ đồng ý trả lại gỗ đã bán với khối lượng phù hợp.

Tại phiên tòa nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Trạm cân gỗ là của Công ty Thúy Sơn (gọi tắt công ty), những người đứng tên cân gỗ là người của công ty, mỗi khi xe vào bãi thì người của công ty cân xong rồi thu tiền của nguyên đơn. Đầu tiên phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn làm hợp đồng nhưng bị đơn không đồng ý, bị đơn nói để bị đơn bán xong về tính tiền lại với nguyên đơn nên giữa hai bên thỏa thuận giá bán cho bị đơn là 1.400.000 đồng/01 tấn, bị đơn bán có lời thì bị đơn hưởng, có lỗ tự chịu nên hai bên đi đến thống nhất là làm hai văn bản thỏa thuận, thống

nhất về số lượng và đơn giá để cho bị đơn ký nhận ràng buộc nghĩa vụ nên bị đơn đồng ý và ký tên vào hai văn bản thỏa thuận nêu trên. Nguyên đơn rất bức xúc vì bị đơn lấy gỗ bán cho người khác mà không trả tiền lại nguyên đơn, khi điện thoại liên lạc thì bị đơn không nghe máy. Đối với việc bị đơn yêu cầu trả lại khối lượng gỗ băm thì nguyên đơn không đồng ý vì hiện nay công ty cũng không còn hoạt động, nguyên đơn không còn thuê bãi tại công ty, đồng thời nguyên đơn cũng không còn hoạt động trong lĩnh vực gỗ băm, cho nên việc yêu cầu trả lại gỗ băm của bị đơn sẽ không khả thi và dễ dẫn đến việc tranh chấp khác về chủng loại, quy cách này khác.

Theo văn bản thỏa thuận ngày 16/11/2013 hai bên thỏa thuận đơn giá bán là 1.400.000 đồng/01 tấn (1.400 đồng/01 kg). Tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện giảm cho bị đơn chỉ tính đơn giá bán là 1.200.000 đồng/01 tấn (1.200 đồng/01 kg) là:

$788.530\text{kg} \times 1.200 \text{ đồng/kg} = 946.236.000 \text{ đồng}$, cộng với tiền gia công còn thiếu 46.213.635 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu là 992.449.635 đồng.

Nguyên đơn tự nguyện giảm bớt một phần cho bị đơn. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền chẵn là 900.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi với bị đơn.

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị Mỹ Trang trình bày: Bà Tr là vợ của ông D, trong quá trình hai bên làm hợp đồng và ký kết các hóa đơn làm ăn với nhau thì bà Trang là người trực tiếp theo dõi. Việc bị đơn cho rằng có trả cho bà Trang và ông Dũng 200.000.000 đồng là hoàn toàn không có. Thực tế bị đơn có chuyển khoản cho bà Trang 150.000.000 đồng nhưng đó là tiền bị đơn nhờ bà Trang thanh toán các khoản như tiền mượn, tiền củi, tiền bồi dưỡng công nhân... (Có bảng kê ngày 27/11/2023 kèm theo) chứ không liên quan gì đến số tiền mà ông Dũng đang yêu cầu. Bà Trang đồng ý với yêu cầu ông Dũng, không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp hợp hợp dân sự (Gia công và mua bán hàng hóa) theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều

35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ngày 21 tháng 5 năm 2025, Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để cho các đương sự có thời gian cung cấp chứng cứ. Tuy nhiên đến ngày 17 tháng 6 năm 2015 bị đơn lại có đơn đề nghị hoãn phiên tòa. Xét thấy trong quá trình giải quyết bị đơn vắng mặt nhiều lần. Tòa án đã cho bị đơn nhiều thời gian nhưng vẫn không cung cấp được chứng cứ, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận hoãn phiên tòa theo yêu cầu của bị đơn, bị đơn vắng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ Điều 227, Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn cho rằng có băm gỗ và bán lại cho bị đơn nhiều lần với khối lượng là 788. 530kg (788,530 tấn) gỗ băm. Giá bán là 1.400.000 đồng/01 tấn (1.400 đồng/kg). Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là: Bảng kê hàng xuất tại bãi ngày 15/11/2023 và biên bản thỏa thuận ngày 16/11/2023, cả hai văn bản đều do bị đơn ký tên xác nhận. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền: 788. 530kg (788,530 tấn) gỗ băm x 1.400.000 đồng/01 tấn (1.400 đồng/kg) = 1.103.900.000 đồng và trả số tiền 46.213.635 đồng theo bảng kê thanh toán tiền gia công băm gỗ ký xác nhận ngày 15/11/2023. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu là 1.150.000.000 đồng và lãi suất.

[4] Xét lời trình bày của bị đơn: Bị đơn thừa nhận là có ký tên vào Bảng kê hàng xuất tại bãi, bảng kê thanh toán tiền gia công băm gỗ cùng ngày 15/11/2023 và biên bản thỏa thuận ngày 16/11/2023 do nguyên đơn cung cấp nhưng không phải là mua của nguyên đơn mà là bán giùm nguyên đơn. Bị đơn thừa nhận có bán gỗ băm cho nhiều người nhưng những người này chưa trả tiền cho bị đơn. Bị đơn xác định trong thời gian làm ăn thì bị đơn có trả nguyên đơn 200.000.000 đồng. Nay bị đơn chỉ đồng ý trả lại khối lượng gỗ băm đã bán giùm chứ không đồng ý trả lại tiền. Chứng cứ bị đơn cung cấp không có.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn có mối quan hệ làm ăn với nhau trong một thời gian. Phát sinh tranh chấp ban đầu giữa hai bên giao kết là hợp đồng gia công. Tuy nhiên, trong thời gian làm ăn chung, nguyên đơn có giao cho bị đơn khối lượng gỗ băm để bán và bị đơn thừa nhận

có nhận số lượng gỗ băm để bán cho người khác để lấy lợi nhuận, như vậy việc nguyên đơn có giao cho bị đơn khối lượng gỗ băm để bị đơn bán lại là thật. Các chứng cứ nguyên đơn cung cấp chứng minh được cho yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn nhưng không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tạo điều kiện về thời gian để cho bị đơn cung cấp chứng cứ nhưng bị đơn vẫn không cung cấp được chứng cứ nào khác ngoài lời trình bày của bị đơn. Tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác...phải cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”* và tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ...thì Tòa án sẽ giải quyết vụ việc dân sự theo những cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[5.1] Xét bị đơn có yêu cầu trả lại khối lượng gỗ đã nhận nhưng bị đơn cũng không chứng minh được là đã nhận bao nhiêu. Đồng thời, việc trả lại khối lượng gỗ băm đã nhận là không khả thi. Bởi lẽ, hiện nay nguyên đơn không còn kinh doanh trong lĩnh vực gia công gỗ băm và bến bãi hoạt động của nguyên đơn không còn tồn tại. Nếu xác định trả lại khối lượng gỗ băm sẽ dễ phát sinh các tranh chấp khác làm cho vụ việc ngày càng phức tạp. Đồng thời, cũng có thỏa thuận nào về việc trả lại bằng khối lượng gỗ băm nên lời trình bày của bị đơn không được chấp nhận.

[6] Qua phân tích, đánh giá chứng cứ, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện chỉ yêu cầu bị đơn trả lại 900.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Sự tự nguyện này xét thấy có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Từ đó có căn cứ buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nguyên đơn tổng số tiền 900.000.000 đồng.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn là người cao tuổi nên được xét miễn án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 165, 227, 259, Bộ Luật Tổ tụng dân sự. **Các Điều 430, 431, 542, 543, 544, 545, 546, 547, 548, 549, 550, 551, 552 và 553 Bộ luật dân sự 2015.**

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Nguyễn Tấn D**: Buộc bị đơn **Đoàn Minh Th** có nghĩa vụ trả ông **Nguyễn Tấn D** tổng số tiền tiền 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí dân sự sơ thẩm: **Đoàn Minh Th** phải nộp 39.000.000đ (Ba mươi chín triệu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THA huyện PH;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Liêm